

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG
KHOA XÂY DỰNG – BỘ MÔN KIẾN TRÚC**

-----*****-----



**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KIẾN TRÚC**

ĐỀ TÀI: LÀNG TRẺ EM PHOEBE

Sinh viên: BÙI THỊ BÍCH LIÊN

Giáo viên hướng dẫn: THS.KTS. NGUYỄN TRÍ TUỆ

HẢI PHÒNG 2017

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho phép Em được gửi lời cảm ơn tới các thầy cô đã tận tình giảng dạy trong 5 năm học tập tại trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng.

Xin cho phép Em được gửi lời cảm ơn tới các thầy giáo, cô giáo trong Khoa Xây dựng, Ngành Kiến trúc công trình đã dìu dắt Em qua 12 đề án, và kết quả của đề án tốt nghiệp hôm nay như một bản báo cáo cho kết quả học tập của Em trong thời gian qua và là bước mở đầu cho những ngày tháng tiếp theo.

Đặc biệt Em xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới:

THS.KTS. Nguyễn Trí Tuệ

đã hướng dẫn, phân tích và động viên giúp Em trong thời gian làm đề tài tốt nghiệp.

Xin được gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè của Tôi về những tình cảm và sự chia sẻ mà mọi người đã dành cho tôi trong suốt thời gian qua.

LÀNG TRẺ EM PHOEBE

MỤC LỤC

A-PHẦN THUYẾT MINH

PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU

I.1. GIỚI THIỆU CHUNG

- I.1.1. Khái quát về Hải Phòng
- I.1.2. Định hướng phát triển kinh tế xã hội.
- I.1.3. Các làng trẻ em của Hải Phòng.

I.2. LÝ DO LỰA CHỌN ĐỀ TÀI

- I.2.1. Việc học tập, vui chơi của trẻ em hiện nay.
- I.2.2. Tổng quan tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
- I.2.3. Ý nghĩa của đề án .
- I.2.4. Phạm vi nghiên cứu của đề án.
- I.2.5. Mục tiêu nghiên cứu của đề án.

PHẦN II: PHẦN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

II.1 : ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HẠ TẦNG

- II.1.1: Vị trí khu đất
- II.1.2: Điều kiện hệ thống kỹ thuật hạ tầng

II.2: NỘI DUNG THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

- II.3.1. Chức năng sử dụng của công trình
- II.3.2. Giải pháp kiến trúc
- II.3.3. Đối tượng và giới hạn nghiên cứu

II.3: NHIỆM VỤ & CÁC PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

- II.4.1: Nhiệm vụ thiết kế
- II.4.2.Các giải pháp thiết kế kiến trúc

Phương án chọn

Những ý đồ chính của phương án chọn

- Bố cục tổng thể
- Bố cục mặt bằng
- Tổ hợp hình khối kiến trúc
- Các giải pháp kỹ thuật

PHẦN III: KẾT LUẬN

B-PHẦN BẢN VẼ

A-PHẦN THUYẾT MINH

PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU

I.1. GIỚI THIỆU CHUNG

I.1.1.KHÁI QUÁT VỀ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Hải Phòng ngày nay là thành phố trực thuộc Trung ương - là đô thị loại 1 cấp quốc gia gồm 7 quận (Ngô Quyền, Hồng Bàng, Lê Chân, Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến An và Hải An), 6 huyện ngoại thành (Thuỷ Nguyên, Hải An, An Láo, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo) và 2 huyện đảo (Cát Hải, Bạch Long Vĩ) với 228 phường và thị trấn (70 phường, 10 thị trấn và 148 xã) .

Hải Phòng từ lâu đã nổi tiếng là một cảng biển lớn nhất ở miền Bắc, một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông thủy, bộ, đường sắt, hàng không trong nước và quốc tế, là cửa chính ra biển của thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc; là đầu mối giao thông quan trọng của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang - một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam - Trung Quốc. Chính vì vậy trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội vùng châu thổ sông Hồng, Hải Phòng được xác định là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế động lực phía Bắc (Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh); là Trung tâm kinh tế - khoa học - kĩ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.(Quyết định 1448 /QĐ-

TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ). Hải Phòng có điều kiện tự nhiên rất phong phú, giàu đẹp, đa dạng và có nhiều nét độc đáo mang sắc thái của cảnh quan nhiệt đới gió mùa. Nơi đây có rừng quốc gia Cát Bà - khu dự trữ sinh quyển thế giới - là khu rừng nhiệt đới nguyên sinh nổi tiếng, đặc biệt phong phú về số lượng loài động thực vật, trong đó có nhiều loài được xếp vào loài quý hiếm của thế giới. Đồng thời, nơi đây cũng có cả một vùng đồng bằng thuộc vùng đồng bằng tam giác châu thổ sông Hồng, tạo nên một cảnh quan nông nghiệp trồng lúa nước là nét đặc trưng của vùng du lịch ven biển Bắc Bộ và cả một vùng biển rộng với nguồn tài nguyên vô cùng phong phú, nhiều hải sản quý hiếm và bãi biển đẹp.

a.Vị trí địa lý

Hải Phòng là thành phố duyên hải nằm ở hạ lưu của hệ thống sông Thái Bình thuộc đồng bằng sông Hồng có vị trí nằm trong khoảng từ 20035' đến 210 01' vĩ độ Bắc, và từ 106029' đến 107005' kinh độ Đông; phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây Nam giáp tỉnh Thái Bình và phía Đông là biển Đông với đường bờ biển dài 125km, nơi có 5 cửa sông lớn là Bạch Đằng, Cửa Cấm, Lạch Tray, Văn Úc và sông Thái Bình.

Diện tích tự nhiên là 1.507,57 km², dân số 1.837.3 ngàn người (tính đến 01/04/2009), mật độ dân số trung bình của thành phố là 1.218,78 người/km², vào loại trung bình so với các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

b.Địa hình

Đồi núi, đồng bằng



Địa hình phía bắc của Hải Phòng là vùng trung du, có đồi xen kẽ với đồng bằng và ngả thấp dần về phía nam ra biển. Khu đồi núi này có liên hệ với hệ núi Quảng Ninh, di tích của nền móng uốn nếp cổ bên dưới, nơi trước đây đó xảy ra quá trình sụt vùng với cường độ nhỏ, gồm các loại cát kết, đá phiến sét và đá vôi có tuổi khác nhau được phân bố thành từng dải liên tục theo hướng Tây Bắc - Đông Nam từ đất liền ra biển gồm hai dãy chính. Dãy chạy từ An Lão đến Đồ Sơn đứt quãng, kéo dài khoảng 30 km từ hướng Tây Bắc - Đông Nam gồm các núi: Voi, Phù Liễn, Xuân Sơn, Xuân Áng, núi Đồi, Đồ Sơn. Dãy Kỳ Sơn - Tràng Kênh và An Sơn - Núi Đèo, gồm hai nhánh: nhánh An Sơn - Núi Đèo cấu tạo chính là đá cát kết có hướng tây bắc đông nam gồm các núi Phù Lưu, Thanh Lóng và Núi Đèo; và nhánh Kỳ Sơn - Trang Kênh có hướng tây tây bắc - đông đông nam gồm nhiều núi đá vôi.

Sông

Sông ngòi ở Hải Phòng khá nhiều, mật độ trung bình từ 0,6 - 0,8 km/1 km². Độ dốc khá nhỏ, chảy chủ yếu theo hướng Tây Bắc Đông Nam. Đây là nơi tất cả hạ lưu của sông Thái Bình đổ ra biển, tạo ra một vùng hạ lưu màu mỡ, dồi dào nước ngọt phục vụ đời sống con người nơi đây. Các con sông chính ở Hải Phòng gồm

1. Sông Đá Bạc - Bạch Đằng dài hơn 32 km, là nhánh của sông Kinh Môn đổ ra biển ở cửa Nam Triệu, là ranh giới giữa Hải Phòng với Quảng Ninh.
2. Sông Cấm dài trên 30 km là nhánh của sông Kinh Môn, chảy qua nội thành và đổ ra biển ở cửa Cấm.
3. Sông Lạch Tray dài 45 km, là nhánh của sông Kinh Thầy, từ Kênh Đồng ra biển bằng cửa Lạch Tray qua địa phận Kiến An, An Dương và cả nội thành.
4. Sông Văn Úc dài 35 km chảy từ Quý Cao, đổ ra biển qua cửa sông Văn Úc làm thành ranh giới giữa hai huyện An Lão và Tiên Lãng.
5. Sông Thái Bình có một phần là ranh giới giữa Hải Phòng với Thái Bình.
6. Sông Bạch Đằng

7. Ngoài ra cũng có nhiều con sông khác khá nhỏ nằm ở khu vực nội thành quận Hồng Bàng.

8. Sông Rế chảy qua huyện An Dương, là nơi cung cấp nước sinh hoạt cho 80% các hộ dân của thành phố.

Bờ biển và biển

Bờ biển Hải Phòng dài trên 125 km, thấp và khá bằng phẳng, nước biển Đồ Sơn hơi đục nhưng sau khi cải tạo nước biển đã có phần sạch hơn, cát mịn vàng, phong cảnh đẹp. Ngoài ra, Hải Phòng còn có đảo Cát Bà là khu dự trữ sinh quyển thế giới có những bãi tắm đẹp, cát trắng, nước trong xanh cùng các vịnh Lan Hạ.... đẹp và kì thú. Cát Bà cũng là đảo lớn nhất thuộc khu vực Vịnh Hạ Long.

c. Khí Hậu

Thời tiết Hải Phòng mang tính chất cận nhiệt đới ẩm đặc trưng của thời tiết miền Bắc Việt Nam: mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều, mùa đông khô và lạnh, có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình vào mùa hè vào tháng 7 là 28,3 °C, tháng lạnh nhất là tháng 1: 16,3 °C. Số giờ nắng trong năm cao nhất là các tháng mùa hè và thấp nhất vào tháng 2, độ ẩm trung bình trên 80%, lượng mưa 1600–1800 mm/năm. Tuy nhiên thành phố cũng phải hứng chịu những đợt nắng nóng và đợt lạnh bất thường, năm 2011 nhiệt độ trung bình tháng 1 của thành phố xuống tới 12,1 °C, gần đây nhất ngày 24/1/2016 thành phố trải qua ngày có nhiệt độ lạnh trung bình thấp kỷ lục, nhiệt độ thấp nhất xuống tới 4,2 °C. Trung bình cả năm 23,4 °C.

So với Hà Nội, thời tiết Hải Phòng có một chút khác biệt, thành phố mát hơn khoảng gần 1 độ vào mùa hè và lạnh hơn một chút về mùa đông, trong 30 năm gần đây do ảnh hưởng biến đổi khí hậu nhiệt độ thành phố đang có xu hướng tăng lên.

1.1.2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI :

*) Những khó khăn và thuận lợi của sự phát triển:

1. Những thuận lợi và cơ hội để phát triển kinh tế tri thức ở Hải Phòng

Thành phố Hải Phòng thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có khoảng 125 km chiều dài đường bờ biển và trên 100.000 km² thêm lục địa, nằm trong hai hành lang, một vành đai hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc, hội tụ đầy đủ đường sắt, đường bộ, đường không, đường biển nên có điều kiện rất thuận lợi để giao lưu, liên kết, hội nhập và hợp tác kinh tế với các địa phương, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Hải Phòng có lực lượng lao động tương đối lớn (số người trong lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2010 là 1,47 triệu người); so với nhiều tỉnh, thành, có nguồn nhân lực trình độ học vấn và tay nghề tương đối khá (năm 2012 có 136.470 người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên, đạt 734 người có trình độ cao đẳng, đại học/1 vạn dân. Trong số đó có 42 GS, PGS. Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật tăng dần qua các năm. Hệ thống giáo dục phát triển khá tốt (chỉ số giáo dục đứng thứ 3 toàn quốc với 4 trường đại học, 14 trường cao đẳng, 22 trường trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề). Đây là nền móng để Hải Phòng có thể tự giải quyết vấn đề nhân lực cho nhu cầu phát triển của thành phố. Ngoài ra, số lượng kiều bào người Hải Phòng tương đối đông (giai đoạn 2000 - 2015, Hội liên lạc Việt kiều Hải Phòng đó quy tụ được trên 1.500 hội viên và thân nhân ở nhiều nước trên thế giới).

Hệ thống kết cấu hạ tầng đó được cải thiện từng bước, đáp ứng được phần nào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

2. Những khó khăn, thách thức

Thách thức lớn nhất của Hải Phòng trong giai đoạn hiện nay là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển và nguồn lực cho phát triển có hạn.

Nguồn nhân lực, mặc dù tăng nhanh về số lượng qua các năm, nhưng chất lượng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế tri thức. Trình độ, kỹ năng của phần lớn đội ngũ lao

động còn hạn chế, nhất là các kỹ năng sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm. Cơ cấu lao động chưa phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế tri thức. Đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất còn hạn chế; liên kết giữa các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp còn yếu; chưa thu hút được nhân tài, nhân lực chất lượng cao cho phát triển và áp dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất.

Tốc độ đổi mới công nghệ ở một số ngành công nghiệp mũi nhọn còn chậm. Kinh phí đầu tư cho đổi mới công nghệ mới đạt khoảng 3% doanh thu, đầu tư cho R&D đạt khoảng 0,05% doanh thu, trong khi các công ty đa quốc gia, tỷ lệ này tương ứng thường là 10 - 15% và 2%.

Hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông phát triển nhanh nhưng chưa đồng bộ. Mức độ tin học hóa trong các ngành, lĩnh vực thấp. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin thiếu và yếu cả về số lượng, kỹ năng và trình độ ngoại ngữ.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn chậm, sản xuất nông nghiệp còn phân tán, manh mún, gây trở ngại cho việc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Tất cả những khó khăn và thách thức nêu trên đang là những trở ngại, tác động đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng, trong đó có mục tiêu phát triển kinh tế tri thức.

1.1.3. CÁC LÀNG TRẺ EM Ở HẢI PHÒNG

Hải Phòng hiện tại có Làng trẻ em SOS và Làng trẻ mồ côi Hoa Phượng.

* Làng trẻ em SOS:

Làng trẻ em SOS là một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, phi tôn giáo giúp đỡ và bảo vệ trẻ mồ côi, lang thang, cơ nhỡ. Tổ chức được thành lập năm 1949 bởi Hermann Gmeiner ở Imst, Áo. Theo thời báo tài chính Luân Đôn số tiền mà tổ chức này sử dụng năm 2004 là 807 triệu đô la Mỹ, đứng thứ 33 trong số 100 tổ chức phi chính phủ trên thế giới về "tầm ảnh hưởng toàn cầu". Tổ chức điều hành của hệ thống làng trẻ em SOS - SOS-Kinderdorf được thành lập năm 1960 sau khi các làng trẻ em SOS tiếp theo được

thành lập ở Pháp, Đức, Italy. Hiện nay làng trẻ em SOS có mặt ở 132 quốc gia và vùng lãnh thổ. 438 làng trẻ em SOS và 346 nhà thiếu nhi SOS mang đến ngôi nhà mới cho hơn 60.000 trẻ em. Hơn 131.000 trẻ em tham gia các trường mẫu giáo SOS, các trường Hermann Gmeiner và các trung tâm đào tạo nghề SOS. Khoảng 397.97000 người được hưởng lợi từ các chương trình của trung tâm y tế SOS và 115.000 người được hỗ trợ bởi các trung tâm xã hội SOS.

Mục đích của Làng trẻ em SOS nhằm mang lại "*sự quan tâm chăm sóc như trong một gia đình*" cho trẻ nghèo đói, lang thang và trẻ mồ côi. Hàng triệu trẻ em đang sống mà không có một mái ấm gia đình với muôn vàn lý do như:

- Bố mẹ ly hôn.
- Bạo lực gia đình.
- Sự thiếu quan tâm của bố mẹ.
- Không còn bố mẹ do chiến tranh hoặc thiên tai.
- Bệnh tật - bao gồm cả sự tăng lên của AIDS.

Những đứa trẻ được giúp đỡ để trở lại cuộc sống sau những tổn thương tâm lý và ngăn chặn những mối nguy hiểm như bị bỏ rơi, đối xử bất công, ngược đãi.

Các làng SOS hoạt động theo 4 nguyên tắc chung trên toàn thế giới, gồm: "*Bà mẹ, các anh chị em, ngôi nhà gia đình và cộng đồng làng*". Trong đó, nhân tố chính là các "*bà mẹ*" - là những phụ nữ từ 25 đến 40 tuổi, không có ý định lấy chồng, không có con riêng, cũng không nặng gánh gia đình, tình nguyện tuyên thệ đảm nhận thiên chức làm mẹ, nuôi dưỡng những trẻ mồ côi (có hoàn cảnh đặc biệt) như những đứa con riêng của mình theo đúng nghĩa xã hội học. Mỗi "*bà mẹ*" làm chủ một "*ngôi nhà gia đình*", có toàn quyền định đoạt trong việc nuôi dưỡng từ 8 đến 10 "*đứa con*" (từ sơ sinh đến 18 tuổi) như những người mẹ khác trong xã hội. Khoảng 10 đến 40 ngôi nhà hợp thành một "*làng*" SOS.

* Làng trẻ mồ côi Hoa Phượng:

Làng nuôi dạy trẻ mồ côi Hoa Phượng được thành lập năm 1992 với nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng trẻ em, bao gồm: trẻ mồ côi không nơi nương tựa; trẻ bị bỏ rơi, khuyết tật; trẻ là con của những phạm nhân đang chấp hành án; trẻ lang thang, cơ nhỡ trên địa bàn TP. Hải Phòng. Hiện nay, Làng đang chăm sóc, nuôi dạy 59 trẻ, trong đó có 11 cháu mồ côi, 30 trẻ bị bỏ rơi, 15 trẻ khuyết tật, 7 trẻ là con của phạm nhân và 18 trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khác. Việc nuôi dưỡng các cháu được thực hiện theo mô hình gia đình, nhằm giúp các em có một mái ấm gia đình thực sự. Với mô hình này, hiện Làng có 8 gia đình, mỗi gia đình có 1 mẹ nuôi và 1 dì, chăm sóc từ 6 đến 8 cháu, thời gian 24/24 giờ.

Ngoài các em bé, khuyết tật nặng phải chăm sóc đặc biệt, các em còn lại đi học tại các trường phổ thông ngoài cộng đồng và được tham gia học nghề khi chuẩn bị ra Làng.

Từ khi thành lập (tháng 2/1992) đến nay, Làng đã nuôi dạy 248 lượt trẻ, trong đó 57 em đã trưởng thành và rời Làng, 48 em đã lập gia đình.

23 năm qua, tập thể cán bộ viên chức của Làng đã thực sự tạo cho các em một mái ấm gia đình, có mẹ, có anh chị em. Các em của Làng đã tham gia các cuộc thi và đạt hơn 200 giải các cấp, hàng năm có từ 5 – 7 em được nhận học bổng của Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố Hải Phòng và Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

I.2. LÝ DO LỰA CHỌN ĐỀ TÀI :

Việc tạo một môi trường học tập, vui chơi cho trẻ em nói chung và các trẻ có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng là một vấn đề rất cần thiết đối với xã hội hiện nay.

Hiện nay trẻ em đều được tới trường học văn hóa và các kiến thức phổ thông. Việc học là cần thiết tuy nhiên việc học quá nhiều sẽ khiến các em mệt mỏi, căng thẳng và sẽ dẫn đến các hệ lụy là đối mặt những vấn đề về sức khỏe như: trầm cảm, nhức đầu kéo dài, đau dạ dày... vốn là hậu quả của việc học hành căng thẳng kéo dài. Chưa kể đến việc chỉ học văn hóa, các môn như Toán, Văn, Anh... mà không để tâm chú ý tới các kỹ năng khác – cái có thể giúp trẻ tìm hiểu thêm và phát hiện ra những sở thích, tiềm năng nghề nghiệp của bản

thân trong tương lai. Các kỹ năng sống cũng cần phải được chú trọng hơn. Bên cạnh đó các sân chơi cho trẻ cũng đang thiếu rất nhiều. Nhiều nơi trẻ không có sân chơi mà phải chơi ở ngoài đường, rất nguy hiểm.

Các trẻ có hoàn cảnh đặc biệt thường được sống trong 1 môi trường riêng và ít có cơ hội tiếp xúc với các trẻ khác bên ngoài. Điều này có thể dẫn đến tâm lý mặc cảm, tự tin cho trẻ và làm giảm khả năng hòa nhập cộng đồng của các em. Do đó nên có một nơi mà các trẻ có hoàn cảnh đặc biệt có thể tiếp xúc, vui chơi nhiều hơn với các trẻ bình thường khác.

I.2.1. VIỆC HỌC TẬP VÀ VUI CHƠI CỦA TRẺ EM HIỆN NAY:

Hiện nay không chỉ riêng tại Việt Nam mà ở hầu hết các nước châu Á, trẻ em đang phải dành quá nhiều thời gian để học văn hóa ở trường và thiếu rất nhiều thời gian vui chơi cùng bố mẹ, cùng bạn bè và càng không có thời gian để tìm hiểu và phát huy thêm các sở thích cá nhân, kỹ năng tiềm ẩn cũng như các khả năng đặc biệt của các em.

Năm 2016, Hiệp hội Thể dục thể chất Hong Kong (Physical Fitness Association of Hong Kong, China - HKPFPA) đã tiến hành một nghiên cứu về thời gian chơi dành cho trẻ em tại đặc khu này.

Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ khoảng 1% các trường mầm non ở Hong Kong có kế hoạch cho những hoạt động vui chơi cho trẻ hằng ngày.

HKPFPA đã nghiên cứu với 14.730 trẻ em trong độ tuổi 3-6 tại 89 trường mầm non trong thành phố. Tổ chức này nhận thấy gần như tất cả các trường mầm non ở địa phương không đáp ứng đủ và đúng theo những khuyến nghị về thời gian vui chơi cho trẻ.

Theo đó, các trường mầm non cần dành cho trẻ ít nhất 120 phút vận động thể chất mỗi ngày với các trường bán trú và 60 phút mỗi ngày với những trường dạy một buổi.

Trong khi đó tại Trung Quốc, theo Trung tâm Nghiên cứu trẻ em và thanh thiếu niên Trung Quốc, số trẻ em ở các thành phố lớn bị "đánh cắp tuổi thơ" ngày càng tăng.

Nghiên cứu được thực hiện với 2.500 học sinh tiểu học và trung học cơ sở tại Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Trường Xuân, Thành Đô và Lan Châu. Tại các thành phố này, thời gian trẻ em đi học mỗi ngày (8,6 - 12 giờ học/ngày) còn nhiều hơn thời gian làm việc hành chính của cha mẹ.

Có những cô/cậu bé chẳng thiếu đồ chơi, quần áo đẹp và thậm chí cả đàn piano, nhưng lại không có đủ thời gian để tận hưởng tất cả vì còn phải lo làm bài tập về nhà. Không ít phụ huynh lấy lý do rằng con họ sẽ "còn rất nhiều thời gian để chơi sau khi vào ĐH" để bao biện cho những thiệt thòi này.

Trong khi đó, theo một nghiên cứu khác tại Hàn Quốc, trẻ em ở quốc gia này chỉ được phép chơi bên ngoài khoảng 34 phút mỗi ngày. Cũng giống như ở Trung Quốc, áp lực học hành với trẻ ở đây ngày càng căng thẳng hơn khi cha mẹ quá lo lắng cho tương lai của các em.

Một nghiên cứu do giáo sư Therese Hesketh (ĐH London) thực hiện đã chỉ ra 1/3 học sinh tiểu học Trung Quốc đang đối mặt những vấn đề về sức khỏe như: trầm cảm, nhức đầu kéo dài, đau dạ dày... vốn là hậu quả của việc học hành căng thẳng kéo dài.

Một khảo sát khác ở trẻ em độ tuổi 9-12 tại miền đông Trung Quốc cho thấy hơn 80% trẻ có biểu hiện lo âu cực độ khi các kỳ thi đến gần.

Các áp lực này bắt đầu được hình thành từ lúc các em còn nhỏ và ngày càng ảnh hưởng nghiêm trọng hơn khi các em bước vào độ tuổi vị thành niên, có thể dẫn đến tình trạng tự tử, cũng đang là vấn nạn nhức nhối tại các quốc gia châu Á hiện nay.

"Việc thiếu các hoạt động vui chơi thể chất sẽ gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của trẻ. Chúng ta nên biến các hoạt động vui chơi thể thao trở thành một thói quen, không chỉ với trẻ em mà ngay cả với các bậc phụ huynh và giáo viên" - bà Joane Chung Wai Yee, giáo sư nghiên cứu sức khỏe tại ĐH Giáo dục Hong Kong, nêu quan điểm.

I.2.2. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT:

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh không bình thường về thể chất và tinh thần, không đủ điều kiện để thực hiện quyền cơ bản và hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Từ định nghĩa trên ta có thể thấy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, thể chất và tinh thần không bình thường: đó là các trẻ em có khuyết tật về thể chất, tinh thần.

Thứ hai, không đủ điều kiện thực hiện quyền cơ bản và hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Điều 10 Luật Trẻ em 2016 có hiệu lực từ ngày 1/6 quy định, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm 14 nhóm sau đây, tăng 5 nhóm so với Luật Bảo vệ, giáo dục, chăm sóc trẻ em 2004:

- Trẻ em bị mồ côi cả cha và mẹ
- Trẻ em bị bỏ rơi
- Trẻ em không nơi nương tựa
- Trẻ em khuyết tật
- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS
- Trẻ em vi phạm pháp luật
- Trẻ em nghiện ma túy
- Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở
- Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực
- Trẻ em bị bóc lột
- Trẻ em bị xâm hại tình dục
- Trẻ em bị mua bán
- Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo

- Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Trong vòng hai mươi năm trở lại đây, Việt Nam đã và đang trải qua những thay đổi quan trọng về kinh tế, xã hội. Có thể khẳng định rằng trong những năm vừa qua, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam đã được cải thiện đáng kể, Việt Nam đã đạt được khá nhiều tiến bộ quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam không đồng đều, một bộ phận đáng kể người dân Việt Nam vẫn chưa được hưởng lợi từ nền kinh tế phát triển này. Để giải quyết những vấn đề này, Chính phủ Việt Nam đã thúc đẩy việc xây dựng các chiến lược và chính sách phúc lợi xã hội cũng như tạo nền tảng pháp lý và chính sách cho công cuộc giảm nghèo và các chính sách xã hội. Một trong những chủ trương thông suốt trong đường lối và chính sách của Việt Nam là đặt người dân vào vị trí trung tâm của công cuộc phát triển đất nước. Do đó, bảo vệ trẻ em và sự phát triển của trẻ em luôn luôn được coi là những ưu tiên hàng đầu của đất nước. Việt Nam là quốc gia đầu tiên trong khu vực và quốc gia thứ hai trên thế giới tham gia ký kết và phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em (CRC).

Tuy nhiên, đối với Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, việc bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực và bóc lột vẫn luôn là một thách thức khó khăn. Những chênh lệch về điều kiện sống trong thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, những rạn vỡ trong gia đình, và sự xói mòn những giá trị truyền thống đã dẫn tới con số trẻ em bị bỏ rơi, bị sao nhãng, lạm dụng và bóc lột ngày càng gia tăng. Báo cáo của BLĐTB&XH năm 2004 cho biết có hơn 2,500 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, chiếm hơn 3% tổng dân số là trẻ em trên cả nước. Cũng theo thông tin của BLĐTB&XH và các cơ quan chính phủ khác, cả nước có hơn 1,2 triệu trẻ em khuyết tật, 263,000 trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS trong đó 8,500 trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, 150,000 trẻ em mồ côi, 23,000 trẻ em phải lao động, 20,000 trẻ em làm nghề mại dâm, 21,000 trẻ em đường phố, 13,000 trẻ em vi phạm pháp luật, 8,000 em sử dụng ma túy, và 126,309 trẻ em bị khước từ bởi sự chăm sóc từ cha mẹ đẻ của mình. Bên cạnh đó, còn có hơn 1,2 triệu trẻ em sống trong tình trạng nghèo đói. Rất nhiều trẻ em trong hoàn cảnh đặc biệt đang phải

vật lộn để mưu sinh, một số em buộc phải sinh sống và làm việc kiếm tiền trên đường phố, một số em khác phải sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội.

Việt Nam đã thể hiện cam kết giải quyết những thách thức này thông qua việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình và sáng kiến nhằm mang lại cho trẻ em một môi trường bảo vệ và an toàn. Ngoài Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Việt Nam còn phê chuẩn những văn bản quốc tế sau: Nghị định thư không bắt buộc đối với CRC về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em (12/2001), Nghị định thư không bắt buộc đối với CRC về sự tham gia của trẻ em vào lực lượng vũ trang, Công ước số 182 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về việc xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (12/2000), Công ước của Liên hợp quốc về đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (được ký tháng 12 năm 2001 nhưng chưa được phê chuẩn). Hiện nay, Việt Nam đang xem xét việc phê chuẩn Công ước La-hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế. Hiện Việt Nam cũng đang xem xét thông qua Nghị định thư của LHQ về ngăn ngừa, trấn áp và xử lý nạn buôn người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

I.2.3. Ý NGHĨA CỦA ĐỀ TÀI:

* Trẻ có môi trường chơi và học để lớn lên khỏe mạnh và phát triển hết các kỹ năng của bản thân

Chơi và học luôn song hành: Đừng đánh giá thấp giá trị của việc chơi. Thông qua chơi, trẻ học và phát triển được các kỹ năng về nhận thức như toán học và cách giải quyết vấn đề, các kỹ năng giao tiếp xã hội và kỹ năng về học vấn.

Chơi lành mạnh tốt cho sức khỏe: Việc vui chơi sẽ giúp chống lại các vấn đề của bệnh béo phì mà hiện nay nhiều trẻ đang mắc phải. Vui chơi còn giúp trẻ em trưởng thành về mặt cảm xúc. Đó cũng là một cách để giải tỏa bớt những lo lắng và căng thẳng nơi trẻ.

Chơi bên ngoài tốt hơn: Hãy tạo điều kiện để con bạn có được càng nhiều thời gian vui chơi bên ngoài càng tốt, đó sẽ là những ký ức trẻ không bao giờ quên.

*Đối với các trẻ có hoàn cảnh đặc biệt

Không để trẻ em phải lớn lên một mình.

“Điều làm trẻ đau khổ không phải là thiếu ăn, thiếu mặc, hay không được học hành; mà chính là không có gia đình và thấy mình không thuộc về ai” - Tiên sĩ Hermann Gmeiner, người sáng lập Làng trẻ em SOS Quốc tế

I.2.4. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỒ ÁN:

* Môi trường và thời gian dành cho việc học tập, vui chơi của trẻ em dưới 16 tuổi.

* Các tổ chức dạy và rèn luyện các kỹ năng sống cho trẻ.

* Các tổ chức tiếp nhận và nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

I.2.5. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA ĐỒ ÁN:

Tạo ra một nơi để trẻ nói chung và trẻ em nói riêng có thể cùng nhau học tập và vui chơi, giúp các trẻ có hoàn cảnh đặc biệt giảm bớt mặc cảm tự ti, cũng như có các kỹ năng, nghề nghiệp để có thể hòa nhập tốt hơn với cộng đồng, xã hội.

PHẦN II: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

II.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HẠ TẦNG

II.1.1. VỊ TRÍ KHU ĐẤT:

Làng trẻ em được xây dựng tại khu đất nằm trong dự án quy hoạch khu vực Đông Khê 2.

- Phía Bắc và phía Đông tiếp giáp với khu dân cư.
- Phía Tây tiếp giáp với khu công viên cây xanh.
- Phía Nam tiếp giáp với hồ An Biên.

II.1.2. ĐIỀU KIỆN HỆ THỐNG KỸ THUẬT HẠ TẦNG

Cảnh quan hiện trạng:

Nằm cạnh hồ An Biên, khu công viên cây xanh và gần các khu dân cư.

Giao thông:

Tiếp giáp với các trục đường chính của khu vực và gần khu vực trung tâm.

II.2. NỘI DUNG THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

II.2.1. CHỨC NĂNG SỬ DỤNG

Đề tạo môi trường học tập bao gồm học ngoại ngữ, học nghề, học các kỹ năng sống và vui chơi, thư giãn cho trẻ.

II.2.2. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH:

Giải pháp kiến trúc:

Lấy ý tưởng từ trò chơi ô ăn quan của trẻ em dân gian, em lựa chọn các hình khối như hình cầu để tạo nên sự thú vị và ăn nhập với ý tưởng.

Giải pháp qui hoạch:

Khu nhà chính để phục vụ các chức năng chính của công trình được đặt ở khu vực trung tâm, xung quanh là các sân tập trung, sân chơi, hồ bơi và các nhóm nhà ở cho các trẻ sinh sống tại đây.

Giải pháp tổ chức không gian

* Khối nhà chính:

Gồm các phòng học, phòng hành chính quản lý, thư viện và hội trường.

- Các phòng học rộng rãi phù hợp với các môn học nhất định, được bố trí liền kề nhau, giao thông đi lại rõ ràng, thuận tiện cho trẻ em và mọi người sử dụng.

- Các phòng hành chính đặt ở khu vực giữa và gần các phòng học thuận tiện cho việc quản lý quan sát trẻ, kịp thời hỗ trợ ngay khi cần.

- Thư viện sách cũng như kho sách phong phú cho các em cũng như mọi người có thể thoải mái đọc, học tập và nghiên cứu.

* Khu vực nghỉ ngơi vui chơi ngoài trời:

- Sân tập trung được bố trí ở khu vực trung tâm gần tất cả các khối nhà chính, thuận tiện cho việc tập trung các em khi tổ chức chương trình hay có hoạt động tập thể nào đó.

- Nơi nghỉ ngơi, thư giãn có mái che ngay sát khối thư viện giúp trẻ có thể ngồi đọc sách ngoài trời thoáng mát thoải mái.

- Hồ bơi cho trẻ đặt gần các nhóm nhà ở thuận tiện cho các trẻ sống tại đây ra bơi lội rèn luyện thể chất.

* Khu vực các nhóm nhà ở

Đặt gần khối phòng học thuận tiện cho trẻ di chuyển từ nơi ở tới nơi học tập trung.

Xung quanh là các khu vực cây xanh và sân chơi giúp điều hòa không khí, lưu thông gió tạo ra môi trường sống thoải mái, dễ chịu.

II.2.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU

a/ Đối tượng sử dụng:

* Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt từ 6 – 16 tuổi.

* Trẻ em từ các nơi khác, các trường học khác trong thành phố tới học và sinh hoạt theo các chương trình của trường hay khu vực sinh sống.

* Các tổ chức xã hội tổ chức các chương trình học tập rèn luyện kỹ năng cho trẻ.

b/ Giới hạn nghiên cứu: chủ yếu là trẻ em từ 6 – 16 tuổi sinh sống tại Hải Phòng.

II.3: NHIỆM VỤ & CÁC PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

II.3.1. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ:

1. KHỐI NHÀ CHÍNH:

* Tầng 1:

• Sân:	120 m ²
• Sinh hoạt chung:	500 m ²
• Phòng học nấu ăn:	200 m ²
• Phòng ăn chung:	290 m ²
• Bếp:	70 m ²
• Phòng hành chính, quản lý:	120 m ²
• Phòng y tế:	57 m ²
• Phòng rèn luyện thể chất:	57 m ²
• Phòng tập nghệ thuật:	240 m ²
• Phòng học 1:	45 m ²
• Phòng học 2:	45 m ²
• Phòng học 3:	45 m ²
• Thư viện:	186 m ²
• Kho sách:	110 m ²
• Vệ sinh:	50 m ²

* Tầng 2:

• Không gian học về nghệ thuật:	500 m ²
• Phòng học may:	200 m ²
• Phòng học nghề mộc:	190 m ²
• Phòng học làm gốm:	190 m ²
• Phòng học văn hóa 1:	57 m ²
• Phòng học văn hóa 2:	57 m ²

• Phòng học ngoại ngữ 1:	57 m ²
• Phòng học ngoại ngữ 2:	57 m ²
• Phòng học kỹ năng sống:	240 m ²
• Phòng làm việc 1:	45 m ²
• Phòng làm việc 2:	45 m ²
• Phòng làm việc 3:	45 m ²
• Phòng chuẩn bị hội trường:	42 m ²
• Hội trường:	186 m ²
• Phòng họp:	114 m ²

2. KHU VỰC NGHỈ NGƠI VUI CHƠI NGOÀI TRỜI:

• Sân tập trung:	230 m ²
• Sân chơi có mái che:	113 m ²
• Bể bơi trẻ em:	660 m ²

3. KHU VỰC CÁC NHÓM NHÀ Ở:

• Nhà ở điển hình:	100 m ²
• Khu tự học điển hình:	40 m ²

II.3.2. PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ:

Căn cứ vào nhiệm vụ thiết kế, điều kiện tự nhiên và hiện trạng lập ra phương án thiết kế hợp lý nhất với mục đích sử dụng.

- Giao thông rõ ràng, thuận tiện đi lại.
- Mặt bằng bố trí các không gian chức năng chặt chẽ, thuận tiện cho các trẻ sống, sinh hoạt và học tập.

***/ NHỮNG Ý ĐỒ CHÍNH CỦA PHƯƠNG ÁN CHỌN :**

a/Mặt bằng tổng thể:

Ý tưởng xây dựng đồ án thường là bắt nguồn khởi điểm cho một quan niệm về công trình của mình, trong quá trình thể hiện, chịu ảnh hưởng của những tác nhân xung quanh, dần dần hình thành một ý tưởng chủ đạo xuyên suốt cả quá trình thể hiện đồ án. Với riêng bản thân Em, việc tìm ra câu trả lời cho suy nghĩ: Đâu sẽ là sự hợp ý nhất cho tổng thể của khu đất và cảnh quan thực sự là điều vô cùng quan trọng.

Công trình được xây dựng cho đối tượng sử dụng chính là trẻ em nên cần thể hiện được sự thú vị trong mặt bằng cũng như gần gũi với trẻ em, do đó em lấy ý tưởng từ trò chơi ô ăn quan dân gian để làm ý tưởng chính và xuyên suốt công trình.

b/ Dây truyền công năng:

- Khối nhà công cộng bao gồm các phòng học như học nghệ, học kỹ năng, văn hóa, ngoại ngữ, các phòng hành chính, y tế, phục hồi chức năng, phòng làm việc, hội trường và thư viện. Các không gian tập trung, liên kết giúp sử dụng thuận tiện đồng thời cũng dễ dàng trong việc quản lý.
- Khu vực nghỉ ngơi vui chơi bao gồm sân tập trung ngoài trời, sân chơi có mái che và bể bơi được bố trí gần kề khối nhà công cộng chính và khu vực các nhóm nhà ở. Các em có thể tiếp cận các khu vực này một cách dễ dàng và nhanh chóng.
- Khu vực các nhóm nhà ở được bố trí ở nơi gần khối nhà công cộng và các khu vực vui chơi, nghỉ ngơi giúp các em dễ dàng di chuyển tới các khu vực hoạt động mình mong muốn.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Đối với trẻ em không phải chỉ có việc học mới là quan trọng mà bên cạnh đó các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao kỹ năng sống cũng như tiếp cận, làm quen với các lĩnh vực khác ngoài các môn học ở trường như học may, học nấu ăn, học nhảy... cũng như các hoạt động vui chơi khác cũng rất cần thiết và vô cùng quan trọng.

Việc trẻ không được tiếp cận, tìm hiểu thêm về các lĩnh vực khác trong cuộc sống rất có thể sẽ làm mất đi các khả năng tiềm ẩn của trẻ, dẫn tới việc các em sau này khi lớn lên rất khó có thể chọn cho mình 1 ngành nghề phù hợp với khả năng của bản thân. Thiếu hụt các kỹ năng sống sẽ khiến trẻ bị động và không biết cách giúp bản thân thoát khỏi các tình huống nguy hiểm.

Trẻ phải tới trường học và các lớp học thêm quá nhiều khiến các em không còn thời gian vui chơi và nghỉ ngơi, điều này sẽ khiến trẻ mệt mỏi, căng thẳng và tình trạng này kéo dài sẽ dễ dẫn tới các vấn đề về sức khỏe cũng như dễ bị trầm cảm, tự kỷ...

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt thường rất ít tiếp xúc với các trẻ khác cũng như công đồng, xã hội bên ngoài nên một làng trẻ em nơi tất cả các trẻ khác có thể đến học tập, vui chơi và sinh hoạt đây sẽ giúp các trẻ có hoàn cảnh đặc biệt được tiếp xúc nhiều hơn với các bạn khác, dễ dàng hòa nhập cộng đồng hơn.

Làng trẻ này là nơi gắn kết các trẻ lại gần hơn với nhau và giúp các em được sống với đúng lứa tuổi của mình cũng như phát huy hết các khả năng của bản thân.